

Số: /QĐ-BNN-KN

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành tạm thời các định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng cho dự  
án khuyến nông Trung ương**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ Quyết định số 2166/QĐ-BNN-TCCB ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Quy chế quản lý chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên;*

*Căn cứ Quyết định số 1528/QĐ-BNN-KHCN ngày 27 tháng 4 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký chủ trì dự án Khuyến nông Trung ương đột xuất, đặc thù thực hiện từ năm 2020-2022;*

*Căn cứ kết quả thẩm định định mức kinh tế kỹ thuật của các Hội đồng theo Quyết định số 1528/QĐ-BNN-KHCN ngày 27 tháng 4 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành tạm thời định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông Trung ương đột xuất, đặc thù thực hiện từ năm 2020 và các dự án có nội dung tương tự, chi tiết tại 02 Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; Thủ trưởng tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Tài chính, Vụ KHCN & MT;
- Lưu: VT, KN (HTL.20b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Quốc Doanh**

**Phụ lục II:**  
**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT TẠM THỜI ÁP DỤNG CHO DỰ ÁN**  
**KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG: LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2611 /QĐ-BNN-KN ngày 10 tháng 7 năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**I/-MÔ HÌNH: TRỒNG CÂY CHE BÓNG, CÂY TRỒNG XEN VÀ THÂM CANH VƯỜN**  
**CÀ PHÊ CHÈ BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI SƯƠNG MUỐI TẠI CÁC TỈNH TÂY BẮC**

**1. Phần giống, vật tư** (Mức hỗ trợ cho các vùng miền theo quy định hiện hành)

a/ Giống cây che bóng

Đơn vị tính cho 01 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
	Chọn một trong 02 loại cây trồng sau			
1	Cây che bóng (Keo dậu)	cây	100	
2	Cây trồng xen (giống đậu tương)	kg	20	

b/ Vật tư

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Mô hình thâm canh cà phê chè</b>			
	- Phân đạm nguyên chất (N)	kg	130	
	- Phân lân nguyên chất (P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> )	kg	160	
	- Phân kali nguyên chất (K <sub>2</sub> O)	kg	140	
	- Phân hữu cơ vi sinh	kg	5.000	
	- Vôi bột	kg	500	
	- Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đồng	1.000	
<b>II</b>	<b>Cây trồng xen (Đậu tương)</b>			
	- Phân đạm nguyên chất (N)	kg	25	
	- Phân lân nguyên chất (P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> )	kg	80	
	- Phân kali nguyên chất (K <sub>2</sub> O)	kg	120	
	- Vôi bột	kg	500	
	- Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	

\*Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ tương ứng

**2. Phần triển khai:**

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	9	
2	Đào tạo, tập huấn			
2.1	Tập huấn trong mô hình	ngày/lớp	01	
2.2	Đào tạo ngoài mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	ha	3 đến 05	Không quá 09 tháng/năm

**II/- MÔ HÌNH: TRỒNG CÂY CHE BÓNG VÀ THÂM CANH CÀ PHÊ CHÈ THỜI KỲ KINH DOANH TẠI CÁC TỈNH TÂY BẮC**

**1. Phần giống, vật tư** (*Mức hỗ trợ cho các vùng miền theo quy định hiện hành*)

a/ Giống cây che bóng

*Đơn vị tính cho 01 ha*

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
	<b><i>Chọn một trong các cây trồng sau</i></b>			
1	Cây che Keo dậu	cây	100	
2	Cây Xoài	cây	35	

b/ Vật tư

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
<b><i>I</i></b>	<b><i>Vật tư mô hình thâm canh</i></b>			
	- Phân đạm nguyên chất (N)	kg	230	
	- Phân lân nguyên chất (P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> )	kg	120	
	- Phân kali nguyên chất (K <sub>2</sub> O)	kg	300	
	- Phân hữu cơ vi sinh	kg	5.000	
	- Vôi bột	kg	500	
	- Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng	1.000	
<b><i>II</i></b>	<b><i>Mô hình cây che bóng (Xoài)</i></b>	kg	150	
	- Phân NPK	kg	10	
	- Đạm nguyên chất (N)	kg	4	
	- Phân hữu cơ vi sinh	kg	70	
	- Vôi bột	kg	50	

\*Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ tương ứng

**2. Phần triển khai:**

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	9	
2	Đào tạo, tập huấn			
2.1	Tập huấn trong mô hình	ngày/lớp	01	
2.2	Đào tạo ngoài mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	ha	3 đến 05	<i>Không quá 09 tháng/năm</i>

### III/-MÔ HÌNH TRỒNG THÂM CANH DẦU LAI

#### 1. Phần giống, vật tư (Mức hỗ trợ cho các vùng miền theo quy định hiện hành)

Đơn vị tính cho 01 ha

Thời kỳ		Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Năm thứ nhất (trồng mới)	1	Giống dầu trồng mới	cây	40.000	
	2	Giống dầu trồng dặm	cây	2.000	
	3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	140	
	4	Phân lân nguyên chất (P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> )	kg	100	
	5	Phân kali nguyên chất (K <sub>2</sub> O)	kg	150	
	6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	
	7	Vôi bột	kg	1.000	
Năm thứ hai (kiến thiết cơ bản)	1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	230	
	2	Phân lân nguyên chất (P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> )	kg	130	
	3	Phân kali nguyên chất (K <sub>2</sub> O)	kg	180	
	4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.500	

\*Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ tương ứng.

#### 2. Phần triển khai:

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	09	
2	Đào tạo, tập huấn,			
2.1	Tập huấn trong mô hình (Năm thứ nhất, thứ hai)	ngày/lớp	01	
2.2	Tập huấn nhân rộng mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	ha	2 đến 05	Không quá 9 tháng/năm

**IV/- MÔ HÌNH NUÔI TẦM CON TẬP TRUNG (Từ trứng đến hết tuổi 3)**

**1. Phần giống, vật tư** (*Mức hỗ trợ cho các vùng miền theo quy định hiện hành*)

*Đơn vị tính: cho 01 ha*

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Trứng tầm	vòng	120	
2	Foocmol	lít	10	
3	Thuốc rắc tầm	kg	20	
4	Than đá	kg	200	
5	Vôi bột	kg	100	

**2. Phần triển khai:**

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	09	
2	Tập huấn, đào tạo			
2.1	Tập huấn trong mô hình	ngày/lớp	01	
2.2	Tập huấn nhân rộng mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	ha	2 đến 05	<i>Không quá 09 tháng/năm</i>

**V/- MÔ HÌNH NUÔI TẦM LỚN (Từ tuổi 4 đến kết thúc thu hoạch kén)**

**1. Phần giống, vật tư** (Mức hỗ trợ cho các vùng miền theo quy định hiện hành)

Đơn vị tính: cho 01 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Giống tầm tuổi 4	vòng	120	Tính trên cơ sở vòng trứng
2	Foocmol	lít	20	
3	Thuốc rắc tầm	kg	30	
4	Than đá	kg	350	
5	Vôi bột	kg	100	

**2. Phần triển khai:**

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	09	
2	Đào tạo, tập huấn			
2.1	Tập huấn trong mô hình	ngày/lớp	01	
2.2	Tập huấn nhân rộng mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	ha	2 đến 05	Không quá 09 tháng/năm